TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN I** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2017/HSST
Ngày: 31/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN I TỈNH GIA LAI
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Viết Thịnh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Kpă Lan.
Nghề nghiệp: Cán bộ công chức.
Nơi công tác: Trung tâm dân số và kế hoạch hóa gia đình huyện I, tỉnh Gia Lai.
2/ Ông Trương Ngọc Huy
Nghề nghiệp: Giáo viên
Nơi công tác: Trường tiểu học Nguyễn Bá Ngọc I, tỉnh Gia Lai.
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện I tham gia phiên Tòa: Ông Hà Văn Chinh - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai.
Trong ngày 31 tháng 8 năm 2017 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai, mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự đã thụ lý số: 06/2017/HSST ngày 22 tháng 5 năm 2017 đối với các bị cáo:
1. Nay T, tên gọi khác: Nay P, sinh năm 1991, tại Gia Lai.
Trú tại: Thôn A, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai.
Dân tộc: Ja rai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 11/12.
Con ông: Kpă P, sinh năm 1958 và bà: Nay H' O, sinh năm 1964.
Vợ: Siu H' L, sinh năm 1995.
Vợ chồng bị cáo có 01 người con sinh năm 2012.
Tiền án: Không.
Tiền sự: Không.
Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/02/2017 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên Tòa.
2. Nay T1, sinh năm 1987, tại Gia Lai.

Trú tại: Thôn A, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai.
Dân tộc: Ja rai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12.
Con ông: Siu C, sinh năm 1938 và bà: Nay H' Y, sinh năm 1958.
Vợ: Ksor H' L, sinh năm 1989.
Vợ chồng bị cáo có 02 người con lớn nhất 09 tuổi, nhỏ nhất 8 tuổi.
Tiền án: Không.
Tiền sự: Không.
** Người bị hại:* Anh Nguyễn Xuân K, sinh năm 2000. Vắng mặt. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
Trú tại: Tổ 1, khối H, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định.
* Người đại diện hợp pháp cho người bị hại: Ông Nguyễn Xuân N (Là bố đẻ của người bị hại Nguyễn Xuân K). Vắng mặt. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
Trú tại: Tổ 1, khối H, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định.
**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***
1. Chị: Ksor H' L, sinh năm 1989.
Trú tại: Làng A, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Có măt.
2. Anh R'ô K, sinh năm 1994
Trú tại: Làng A, xã Ia T, huyện I, tỉnh Gia Lai. Có măt.
3. Anh R'Ô P, sinh năm 1989.
Trú tại: Làng A, xã Ia T, huyện I, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
** Người làm chứng:*
1. Anh Bùi Thanh V, sinh năm 1986.
Trú tại: Đội 4, xóm V, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
2. Anh Trương Văn T, sinh năm 1989.
Trú tại: Thôn 3, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định. Vắng mặt. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
3. Anh Ksor T, sinh năm 1998.
Trú tại: Làng A, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
4. Anh Nguyễn B, sinh năm 1977
Trú tại: Thôn Đ, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
**** Người phiên dịch:*** Bà Ksor H' BLoan người dân tộc Ja Rai phiên dịch tiếng Ja Rai cho những người tham gia tố tụng là người dân tộc Ja Rai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do biết được các hộ dân thuê đất trồng dưa hấu tại cánh đồng thôn A, xã I, huyện I đang thu hoạch và các xe ô tô tải vào chở dưa hấu phải đi qua thôn

A, xã I, huyện I nên Nay T gặp và rủ Nay T1 đi cưỡng đoạt tiền của các chủ vườn dưa hấu bằng cách chặn các xe ô tô chở dưa hấu nhằm buộc chủ vườn dưa đưa tiền và Nay T1 đồng ý.

Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 02/02/2017, Nay T1 đến quán cà phê nhà M gặp Nay T, mục đích là để chặn xe chở dưa hấu đi ra để xin tiền của chủ trồng dưa, ngồi được một lúc thì T nói với T1 "khi nào xe ra thì điện thoại cho tôi nha, tôi có việc đi ra ngoài" khoảng 03 phút sau, Nay T1 nhìn thấy ánh đèn xe ô tô đi từ trong rẫy dưa ra, lúc này T1 liền gọi điện thoại cho Nay T nói "có xe ra" thì T nói "ừ", đồng thời T1 điều khiển xe mô tô BKS: 81K3-4 đi đến chở Nay T cách đó khoảng 20m, T1 chở T đi đến khu vực nhà mồ thuộc thôn A, xã I, huyện I thì gặp xe ô tô tải BKS: 76C-0 do anh Bùi Thanh V điều khiển trên xe chở đầy dưa, lúc này T1 cho xe của mình dựng lại trên đường, đồng thời cả T1 và T chỉ tay ra hiệu yêu cầu tài xế cho dừng xe lại. Khi xe dừng, T1 đến hỏi "ai là chủ dưa?" rồi gọi điện thoại cho Rơ Ô K nói "lên chỗ nhà mả có chuyện xíu". Lúc này, anh Nguyễn Xuân K đang ngồi trên ca bin trả lời "tôi là chủ dưa" và xuống xe gặp N, K nói với T "chỗ anh em tạo điều kiện cho xe đi qua đi", T nói với K "đưa tiền thì xe dưa mới được qua". Do là người từ địa phương khác đến địa bàn xã I, huyện I để thuê đất trồng dưa, anh K lo sợ sẽ bị Nay T và đồng bọn đánh, xe bị chặn lại dưa sẽ hư hỏng không bán được nên K nói với T "đưa 2.000.000 đồng được không?", T1 và T đồng ý. Khi T1 đang nhận tiền của anh K thì bị lực lượng Công an huyện I bắt quả tang. Trong lúc Công an huyện I đang lập biên bản phạm tội quả tang thì Rơ Ô K đi xe mô tô BKS: 81L1-0 đến, tay cầm 01 con dao nên Công an huyện I mời K về trụ sở để làm việc .

Tại phiên Tòa các bị cáo đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai đã truy tố.

Tại bản cáo trạng số: 06/CTr – VKS ngày 22/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai truy tố Nay T và Nay T1 về tội: **"** Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai đề nghị:

Tuyên bố các bị cáo Nay T, tên gọi khác: Nay P; Nay T1 phạm tội " Cưỡng đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 135; Điều 20; Điều 53; điểm g, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt:

Bị cáo Nay T 06 (Sáu) tháng 28 (Hai mươi tám) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù bằng thời hạn tạm giữ, tạm giam trước đây (Từ ngày 03/02/2017 đến ngày 31/8/2017). Bị cáo Nay T đã chấp hành xong hình phạt.

Bị cáo Nay T1 06 (Sáu) tháng 28 (Hai mươi tám) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù bằng thời hạn tạm giữ, tạm giam trước đây (Từ ngày 03/02/2017 đến ngày 31/8/2017). Bị cáo Nay T1 đã chấp hành xong hình phạt.

Căn cứ vào điều 199 và khoản 05 Điều 227 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả tự do ngay tại phiên toà cho các bị cáo N, Nay T1 đang bị tạm giam, nếu các bị cáo Nay T, Nay T1 không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên Tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện I, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện I, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên Tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên Tòa các bị cáo Nay T, Nay T1 khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của những người tham gia tố tụng khác, như vậy có đủ cơ sở để kết luận:

Vào khoảng 22 giờ 00 phút ngày 02/02/2017 Nay T1, Nay T đã chặn xe Ôtô chở dưa BKS: 76C - 0 do anh Bùi Thanh V điều khiển sau đó đe dọa, uy hiếp tinh thần đối với anh Nguyễn Xuân K là là chủ dưa, vì sợ bị đe doạ chặn xe lại dưa sẽ hư hỏng không bán được nên buộc anh Nguyễn Xuân K phải đưa cho T1 và T số tiền là 2.000.000đồng. Khi Nay T1 vừa nhận tiền thì bị lực lượng công an huyện I bắt quả tang.

Như vậy, hành vi của các bị cáo Nay Thu, Nay Tạo đã phạm vào tội " Cưỡng đoạt tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo Nay T1, Nay T đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang lo lắng cho người dân, nhất là đối với những người ở địa bàn khác đến buôn bán làm ăn. Vì vậy, các bị cáo phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật theo mức độ do hành vi phạm tội của từng bị cáo đã gây ra.

Đây là vụ án đồng phạm, nhưng mang tính chất đồng phạm giản đơn trong đó vai trò, tính chất, mức độ tham gia thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo được thể hiện như sau:

Đối với bị cáo Nay T là người khởi xướng việc cưỡng đoạt tài sản của anh Nguyễn Xuân K. Quá trình thực hiện hành vi phạm tội T tham gia tích cực từ đầu đến cuối.

Đối với bị cáo Nay T1, khi được Nay T rủ đi cưỡng đoạt tài sản T1 đã đồng ý ngay. Quá trình thực hiện hành vi phạm tội T1 tham gia tích cực từ đầu đến cuối.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo.

Xét các bị cáo phạm tội lần đầu, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải. Các bị cáo phạm tội bị bắt quả tang, tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, hậu quả xảy ra không lớn. Hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn, là lao động chính trong gia đình, có con còn nhỏ, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được quy định tại điểm g, p khoản 1,2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy áp dụng thêm Điều 47 Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo bằng thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục.

Trong vụ án này còn có Rơ Ô K khi nghe Nay T1 gọi điện thoại nói "lên chỗ nhà mả có chuyện xíu" thì cầm 01 con dao chạy đến chỗ T1, khi K đến nơi thì Công an huyện I đang lập biên bản phạm tội quả tang đối với Nay T1 và Nay T, sau đó Công an huyện Ia mời Rơ Ô K làm việc, mục đích của K cầm dao chạy đến nghĩ là T1 đang đánh nhau với ai nên đến để giúp đỡ T1, việc mang dao đi tự K nảy sinh ý định. K không biết T1 điện thoại đến để giúp sức T1 cưỡng đoạt tài sản, việc cưỡng đoạt tài sản của các chủ dưa T1 với T không bàn bạc gì với Kiệt. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện I không xử lý đối với Rơ Ô K là đúng quy định của pháp luật.

Đối với Ksor H'L (vợ của Nay T1) là chủ sở hữu xe mô tô BKS: 81K3-4 trong quá trình T1 sử dụng xe để chở T đi cưỡng đoạt tài sản, việc T1 tự ý lấy xe đi đâu, lúc nào chị H'L không biết. Do đó, không có cơ sở để xử lý đối với Ksor H'L, nên không đề cập đến.

Về tang vật vụ án:

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện I đã tạm giữ số tiền 2.000.000 đồng là tang vật vụ án; tạm giữ 01 xe mô tô BKS: 81K3-4, 01 điện thoại di động hiệu Nokia, Model:1208, 01 điện thoại OPPO và số tiền 6.580.000 đồng (của Nay T1); tạm giữ 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, Model: RM-1133 (của Nay T); tạm giữ 01 con dao dài 1,09m, 01 điện thoại di động hiệu ZoNo và 01 xe mô tô BKS: 81L1-0 (của Rơ Ô K).

Trong quá trình điều tra xét thấy việc trả lại các vật chứng là 2.000.000 đồng, 01 xe mô tô BKS: 81K3-4 không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên ngày 25/4/2017 Cơ quan điều tra đã quyết định xử lý vật chứng trả lại cho người bị hại số tiền 2.000.000 đồng, trả lại 01 chiếc xe mô tô BKS: 81K3- 4 cho chị Ksor H'L. Trả lại 01 điện thoại OPPO và số tiền 6.580.000 đồng cho Nay T1; trả lại 01 con dao dài 1,09m, 01 điện thoại di động hiệu ZoNo cho Rơ Ô K và 01 xe mô tô BKS: 81L1- 02 cho anh R'ô P là chủ sở hữu hợp pháp.

Riêng đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia, Model: 1208 (của Nay T1), 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, Model: RM-1133 (của Nay T) là phương tiện mà T và T1 sử dụng vào việc cưỡng đoạt tài sản. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a, khoản 2 Điều 76 bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

* *Về dân sự*: Người bị hại đã nhận đủ số tiền 2.000.000 đồng, không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập đến.

Về án phí: Các bị cáo Nay T1, Nay T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Nay T, tên gọi khác: Nay P; Nay T1 phạm tội " Cưỡng đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 135; Điều 20; Điều 53; điểm g, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Xử phạt:

Bị cáo Nay T 06 (Sáu) tháng 28 (Hai mươi tám) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù bằng thời hạn tạm giữ, tạm giam trước đây (Từ ngày 03/02/2017 đến ngày 31/8/2017). Bị cáo Nay T đã chấp hành xong hình phạt.

Bị cáo Nay T1 06 (Sáu) tháng 28 (Hai mươi tám) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù bằng thời hạn tạm giữ, tạm giam trước đây (Từ ngày 03/02/2017 đến ngày 31/8/2017). Bị cáo Nay T1 đã chấp hành xong hình phạt.

Căn cứ vào điều 199 và khoản 05 Điều 227 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả tự do ngay tại phiên toà cho các bị cáo Nay T, Nay T1 đang bị tạm giam, nếu các bị cáo Nay T, Nay T1 không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2.Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a, khoản 2 Điều 76 bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01(Một) điện thoại di động hiệu Nokia, Model: 1208, 01(Một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, Model: RM-1133 (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/5/2017 giữa Công an huyện I và Chi cục thi hành án dân sự huyện I, tỉnh Gia Lai).

3.Về án phí: Căn cứ vào điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nay T, Nay T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm ngàn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31/8/2017). Riêng người bị hại, người đại diện hợp pháp cho người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Uỷ ban nhân dân xã, phường nơi cư trú. Để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Bị cáo/ những người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện I;
- Công an huyện I;
- Chi cục THADS huyện I;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Lê Viết Thịnh